

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: Anh văn chuyên ngành (Tin) (224017) - Nhóm 02

Đợt thi: HK2, ĐỢT 2 22-23

Tổ: 001

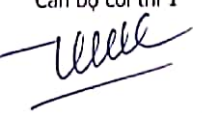
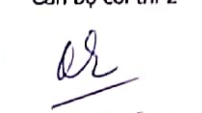
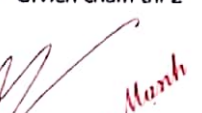
Ngày thi: 26/06/2023

Giờ: 14:45

Phòng thi: B301

Mã nhận dạng: 003784

Trang : 1/2

Cán bộ coi thi 1  Nguyễn Xuân Lưu	Cán bộ coi thi 2  T. Quốc Anh	G.Viên chấm thi 1  Nguyễn Văn Mạnh	G.Viên chấm thi 2  Nguyễn Văn Mạnh
--	--	---	---

Số SV có mặt: 26

Số bài thi: 26

Số tờ giấy thi: 26

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	D.QT 40%	D.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121110394	VĂN CÔNG THÁI	14/08/2002	CCQ2111C				0			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121110121	ĐỖ HOÀI	21/11/2003	CCQ2111D		209		85	46	62	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2119110239	LÊ THANH	15/01/2001	CCQ1911H				52			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121110105	NGUYỄN THANH	29/06/2003	CCQ2111C		485		76	52	62	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121110117	THÁI HOÀNG	12/07/2003	CCQ2111D		132		84	52	65	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121110398	NGUYỄN PHÚ	15/05/2000	CCQ2111D		209		98	50	69	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121110102	TRƯƠNG CHÍ	28/10/1999	CCQ2111C		357		95	62	75	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121110074	HỒ ĐỨC	16/09/2003	CCQ2111C				0			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120110180	CHÂU THỊ KIM	10/09/2002	CCQ2011F		132		74	72	73	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121110126	VŨ THẾ	22/04/2003	CCQ2111D		485		92	72	80	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121110134	NGUYỄN TIẾN	04/10/2003	CCQ2111D		357		78	80	79	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121110127	TRẦN TÂN	02/11/2002	CCQ2111D		209		75	39	53	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2121110072	NGUYỄN THÀNH	20/07/2003	CCQ2111C		132		81	52	64	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2121110095	NGUYỄN XUÂN	13/08/2003	CCQ2111C		485		89	45	63	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2121110109	DƯƠNG NGỌC	28/05/2003	CCQ2111D		209		57	57	57	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2121110133	NGUYỄN THANH	14/06/2001	CCQ2111D				0			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2121110131	NGUYỄN TÂN	20/12/2003	CCQ2111D		485		75	86	82	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2121110120	TRẦN THỊ MỸ	02/08/2003	CCQ2111D		132		94	50	68	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2120110084	LŨ NHẬT	17/03/2002	CCQ2011C		209		74	63	67	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2121110086	NGUYỄN ĐỨC QUANG	18/08/2003	CCQ2111C		357		80	57	66	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 12/06/2023

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Anh văn chuyên ngành (Tin) (224017) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2 22-23**

Tổ: **001**

Ngày thi: **26/06/2023**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **B301**

Mã nhận dạng: 003784

Trang : 2/2

Số SV có mặt: ...26

Số bài thi:26

Số tờ giấy thi: ...26

Cán bộ coi thi 1 Nguyễn Xuân Lưu	Cán bộ coi thi 2 T. Quốc Anh	G.Viên chấm thi 1 Nguyễn Văn Tuấn	G.Viên chấm thi 2 Phạm Văn Mạnh
---	-------------------------------------	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2119220012	NGUYỄN TRUNG HUY	08/08/1999	CCQ1922A		485	Huy	65	52	57	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	2121110139	NGUYỄN VĂN HUY	11/11/2003	CCQ2111D		357	Huy	82	82	82	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	2121110123	LƯƠNG VĂN HƯNG	14/09/2003	CCQ2111D		357	Hung	92	85	88	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	2121110103	LÝ TẤN KHẢI	30/07/2003	CCQ2111C		209	Khải	88	81	84	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	2121110118	NGUYỄN HỒNG KHANG	08/09/2003	CCQ2111D		357	Khang	91	61	73	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	2121110083	NGUYỄN VÕ LINH	25/04/2003	CCQ2111C		485	Linh	88	54	68	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	2121110107	PHẠM PHI LONG	30/07/2003	CCQ2111D		357	Long	93	52	68	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
28	2121110355	PHẠM NGÔ XUÂN HOÀNG LỘC	12/03/2003	CCQ2111D		209	Loc	85	69	75	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
29	2120110122	HUỖNH NGỌC MẠNH	24/04/2002	CCQ2011D		132	Manh	64	48	54	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
30	2121110091	VÕ THỊ KIM MẾN	02/11/2003	CCQ2111C		132	Men	89	55	69	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: Anh văn chuyên ngành (Tin) (224017) - Nhóm 02

Đợt thi: HK2, ĐỢT 2 22-23 Tổ: 002

Ngày thi: 26/06/2023 Giờ: 14:45

Phòng thi: B302

Mã nhận dạng: 003785

Trang : 1/2

Cán bộ coi thi 1 <i>Phan Văn Thực</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Đào Thị Diễm</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Nguyễn Văn Tuấn</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Trần Văn Mạnh</i>
--	---	---	---

Số SV có mặt: 26....

Số bài thi: 26....

Số tờ giấy thi: 26....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121110137	ĐINH VĂN MINH	01/10/2003	CCQ2111D				0			0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121110377	NGUYỄN THỊ DIỄM	07/12/2003	CCQ2111D				0			0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121110354	TRẦN NGỌC MỸ	11/09/2003	CCQ2111C		132	Mỹ	95	30	56	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121110387	TRẦN TRỌNG NAM	15/04/2003	CCQ2111C		209	Nam	85	86	86	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121110379	LÊ THỊ PHƯƠNG NGHI	14/06/2003	CCQ2111C		357	Phong	61	38	42	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121110397	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	07/04/1998	CCQ2111C		485	Bích	99	85	91	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121110116	NGUYỄN THIÊN NHÂN	18/08/2003	CCQ2111D		132	Nhan	70	53	60	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120110154	LÊ ANH NHẬT	07/04/2002	CCQ2011E		209	Nhat	75	32	52	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120110156	TRƯƠNG MINH NHẬT	04/05/2002	CCQ2011E		357	Nhat	56	32	42	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121110128	LÊ THANH PHONG	12/06/2003	CCQ2111D		485	Phong	81	60	68	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121110104	NGUYỄN CHÂU PHÚ	19/02/2003	CCQ2111C		132	Phu	69	41	52	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121110132	PHẠM VIỆT QUANG	18/09/2003	CCQ2111D		209	Quang	82	74	77	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2121110380	NGUYỄN HOÀNG ANH QUÂN	21/11/2003	CCQ2111D				0			0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2121110077	ĐẶNG ANH QUỐC	26/10/2003	CCQ2111C		485	Quoc	83	69	75	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2120110198	TRẦN THỊ DIỄM QUYÊN	02/11/2002	CCQ2011F		132	Quyên	60	32	46	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120110203	PHẠM THANH SƠN	03/12/2001	CCQ2011F		209	Son	52	41	45	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2121110082	TRẦN VĂN TÀI	15/06/2002	CCQ2111C		357	Tai	79	35	53	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2121110076	TRẦN THANH THÁI	02/08/2003	CCQ2111C		485	Thai	89	53	67	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2121110129	BÙI THANH THẮNG	11/02/2003	CCQ2111D		132	Thang	76	69	72	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2121110090	NGUYỄN HỮU THI	31/10/2003	CCQ2111C				0			0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 12/06/2023

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Anh văn chuyên ngành (Tin) (224017) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2 22-23**

Tổ: **002**

Ngày thi: **26/06/2023**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **B302**

Mã nhận dạng: 003785

Trang : 2/2

Số SV có mặt: 26...

Số bài thi: 26...

Số tờ giấy thi: 26...

Cán bộ coi thi 1 <i>Nguyễn Văn Tuấn</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Trần Thị Diễm</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Nguyễn Văn Tuấn</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Trần Thị Diễm</i>
--	--	---	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121110136	LÊ SỸ THIÊN	13/06/2003	CCQ2111D		357	<i>Lph</i>	83	52	64	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2121110087	TRẦN HỮU THỌ	10/04/2003	CCQ2111C		485	<i>Thc</i>	72	69	70	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121110112	NGUYỄN THANH THỨC	18/10/2003	CCQ2111D		152	<i>Thc</i>	90	42	61	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2121110360	CHÂU QUỐC TOÀN	18/12/1999	CCQ2111C		209	<i>Thc</i>	86	40	58	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2121110138	NGUYỄN QUỐC TRỌNG	20/08/2001	CCQ2111D		357	<i>Thc</i>	98	61	76	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2121110122	LÊ ANH TRÚC	12/10/2003	CCQ2111D		485	<i>Thc</i>	78	32	50	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2121110140	LÊ TRẦN CẨM	20/10/2003	CCQ2111D		132	<i>Thc</i>	92	52	68	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2120110267	TỬ XUÂN TRUNG	22/12/2000	CCQ2011D		209	<i>Thc</i>	73	43	55	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2121110092	THÁI MINH TRỰC	05/01/2003	CCQ2111C		357	<i>Thc</i>	82	59	68	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2121110084	ĐỖ THỊ TUYẾT XUÂN	31/12/2003	CCQ2111C		485	<i>Thc</i>	91	58	71	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: Anh văn chuyên ngành (Tin) (224017) - Nhóm 04

Đợt thi: HK2, ĐỢT 2 22-23

Tổ: 001

Ngày thi: 26/06/2023

Giờ: 14:45

Phòng thi: B203

Mã nhận dạng: 003786

Trang: 1/2

Cán bộ coi thi 1 <i>Nguyễn Văn...</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>P.T.M. Th...</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Phạm Văn...Manh</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Nguyễn Văn...</i>
--	---	---	---

Số SV có mặt: 23
Số bài thi: 23
Số tờ giấy thi: 23

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121110226	NGUYỄN THÀNH AN	13/02/2003	CCQ2111G		209	<i>An</i>	87	51	65	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121110261	NINH THỊ QUỲNH	07/09/2003	CCQ2111H		357	<i>Anh</i>	70	42	53	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120110107	NGUYỄN XUÂN CẢNH	12/09/2001	CCQ2011D		485	<i>Cảnh</i>	70	40	57	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121110243	NGUYỄN TẤN DŨNG	10/11/2002	CCQ2111G		132	<i>Tấn</i>	83	48	80	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121110225	NGUYỄN VIỆT DŨNG	20/09/2003	CCQ2111G		209	<i>Việt</i>	96	76	84	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121110216	NGUYỄN HUỲNH HỮU ĐAN	14/01/2003	CCQ2111G		357	<i>Hữu</i>	89	66	75	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121110390	NGUYỄN VĂN THIÊN ĐẠO	03/02/2001	CCQ2111G		485	<i>Đạo</i>	92	75	82	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121110230	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	09/04/2002	CCQ2111G		132	<i>Đạt</i>	55	73	66	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121110365	THẠCH TẤN ĐẠT	09/12/2003	CCQ2111H		209	<i>Tấn</i>	82	43	59	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121110239	TRẦN NGỌC CAO ĐĂNG	17/01/2002	CCQ2111G			<i>Đăng</i>				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121110222	ĐẶNG LÊ HƯƠNG GIANG	14/11/2003	CCQ2111G		485	<i>Hương</i>	97	66	78	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121110275	HUỲNH NGỌC HÀ	24/05/2003	CCQ2111H		132	<i>Hà</i>	87	68	76	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2121110270	ĐOÀN TRẦN TRUNG HIẾU	05/02/2003	CCQ2111H		209	<i>Hiếu</i>	84	58	68	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2121110370	NGÔ SĨ HÒA	30/10/2003	CCQ2111G		357	<i>Sĩ</i>	85	48	63	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2121110271	NGUYỄN BẢO HÒA	23/12/2003	CCQ2111H		132	<i>Bảo</i>	94	77	84	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2121110233	ĐẶNG NGUYỄN HUY HOÀNG	15/01/2003	CCQ2111G			<i>Huy</i>				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2121110280	NGUYỄN QUỐC HUY	11/07/2002	CCQ2111H		209	<i>Quốc</i>	91	42	62	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2120110187	DỊP VĨNH HƯNG	31/10/2002	CCQ2011F		357	<i>Vĩnh</i>	67	44	53	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2121110211	NGUYỄN VĂN HƯNG	25/09/2003	CCQ2111G		132	<i>Văn</i>	87	50	65	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2121110231	TRỊNH VỸ KHA	25/07/2003	CCQ2111G		209	<i>Vỹ</i>	66	49	55	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In: 12/06/2023

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 003786

Trang : 2/2

Môn học: **Anh văn chuyên ngành (Tin) (224017) - Nhóm 04**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2 22-23**

Tổ: **001**

Ngày thi: **26/06/2023**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **B203**

Số SV có mặt: **23**

Số bài thi: **23**

Số tờ giấy thi: **23**

Cán bộ coi thi 1 <i>Nguyễn Văn Minh</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>P.T.M. Thao</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Phạm Văn Minh</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Nguyễn Văn Minh</i>
--	--	---	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121110372	HUỖNH MINH KHANG	03/02/2003	CCQ2111H			<i>Coin thi</i>				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2121110213	PHẠM TẤN KIẾT	17/04/2003	CCQ2111G			<i>Coin thi</i>				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	2121110229	TRƯƠNG HOÀNG LÂM	28/06/2003	CCQ2111G			<i>Coin thi</i>				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	2121110277	NGUYỄN QUANG LỘC	01/08/2003	CCQ2111H			<i>Coin thi</i>				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	2121110266	TRẦN MINH LUÂN	28/11/2003	CCQ2111H		357	<i>Lucan</i>	95	69	70	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
26	2121110259	LÊ VĂN TẤN	10/09/2003	CCQ2111H		485	<i>Lucan</i>	83	42	58	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	2121110241	PHẠM TẤN LỰC	17/01/2003	CCQ2111G		485	<i>Coin thi</i>				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	2121110269	NGUYỄN THỊ TRÚC	30/03/2003	CCQ2111H		209	<i>Ly</i>	88	61	72	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	2121110246	TRẦN VĂN LÝ	20/01/2003	CCQ2111H		485	<i>Ly</i>	59	43	49	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
30	2119110323	LƯU ĐỨC MINH	22/02/1999	CCQ1911J		132	<i>Lucan</i>	93	78	84	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 003787

Trang : 1/2

Môn học: Anh văn chuyên ngành (Tin) (224017) - Nhóm 04

Đợt thi: HK2, ĐỢT 2 22-23

Tổ: 002

Ngày thi: 26/06/2023

Giờ: 14:45

Phòng thi: B205

Số SV có mặt: 18
Số bài thi: 18
Số tờ giấy thi: 18

Cán bộ coi thi 1 <i>Phu</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Tô Thị Thuý</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Phạm Văn Mạnh</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Phạm Văn Mạnh</i>
--------------------------------	--	---	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121110268	NGUYỄN THỊ THÚY	NGÂN	20/06/2003	CCQ2111H		<i>Cầm Thị</i>				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121110371	LÊ TUẤN MINH	NHẬT	19/11/2003	CCQ2111H		<i>Cầm Thị</i>				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121110253	TRẦN THỊ YẾN	NHI	11/08/2003	CCQ2111H	357	<i>Phu</i>	78	47	59	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121110250	HỒ TRẦN HOÀNG	PHÁT	22/12/2003	CCQ2111H		<i>Cầm Thị</i>				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121110278	ĐÌNH THANH	PHONG	19/01/2003	CCQ2111H	485	<i>Phu</i>	83	56	67	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121110212	ĐỖ DUY	QUANG	06/02/2003	CCQ2111G	182	<i>Quang</i>	66	48	55	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121110248	LÊ NGỌC	QUỲNH	11/05/2003	CCQ2111H		<i>Cầm Thị</i>				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121110373	LÊ VĂN	SÁNG	13/02/2003	CCQ2111G	209	<i>Sang</i>	74	48	58	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121110214	PHAN HOÀI	SƠN	11/10/2003	CCQ2111G		<i>Cầm Thị</i>				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121110267	HUỖNH PHÚC	TÂN	23/10/2003	CCQ2111H	485	<i>Phu</i>	48	54	52	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121110228	ĐÀM VĂN	THÁI	10/01/2003	CCQ2111G	485	<i>Phu</i>	49	49	49	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121110220	CHUNG MINH	THIỆN	21/02/2003	CCQ2111G		<i>Cầm Thị</i>				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120110163	NGUYỄN ĐÌNH	THY	12/03/2002	CCQ2011E	357	<i>Phu</i>	77	42	56	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120110131	NGUYỄN LÊ CẢNH	TIỀN	12/06/2002	CCQ2011D	132	<i>Phu</i>	84	54	66	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2121110217	NGUYỄN THANH	TỊNH	20/04/2003	CCQ2111G	485	<i>Phu</i>	64	61	62	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120110100	HUỖNH THIẾU	TỔNG	30/11/2002	CCQ2011C		<i>Cầm Thị</i>				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2121220010	LÝ MỸ	TRẦN	16/07/2003	CCQ2122A	132	<i>Phu</i>	65	26	42	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2121110265	NGÔ MINH	TRÍ	27/03/2003	CCQ2111H		<i>Cầm Thị</i>				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2121110242	ĐÌNH THỊ KIM	TRÌNH	17/09/2003	CCQ2111G	209	<i>Phu</i>	85	72	77	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2121110262	NGUYỄN NGỌC	TRÌNH	06/05/2003	CCQ2111H	209	<i>Phu</i>	96	96	96	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 12/06/2023

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Anh văn chuyên ngành (Tin) (224017) - Nhóm 04**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2 22-23**

Tổ: **002**

Ngày thi: **26/06/2023**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **B205**

Mã nhận dạng: 003787

Trang : 2/2

Số SV có mặt: 12

Số bài thi: 12

Số tờ giấy thi: 12

Cán bộ coi thi 1 <i>V.V. Phan</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Tô Thị Thuý</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Phạm Văn Mạnh</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Nguyễn Văn Tuấn</i>
--------------------------------------	--	---	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121110245	THÁI HỮU	24/07/2002	CCQ2111G			<i>Cán thi</i>				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2121110273	VÕ THÀNH	20/12/2003	CCQ2111H		132	<i>Ko.og</i>	97	80	87	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121110279	HÀ MINH	01/04/2003	CCQ2111H		485	<i>Phạm</i>	66	52	58	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2121110255	NGUYỄN HOÀNG ANH	18/07/2003	CCQ2111H		209	<i>Tuấn</i>	69	91	82	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2120110174	NGUYỄN	27/04/2002	CCQ2011E		357	<i>Vinh</i>	75	56	64	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2121110272	THÁI HỮU	14/10/2003	CCQ2111H		357	<i>Vinh</i>	93	68	78	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2121110274	NGUYỄN TRƯỜNG	07/11/2003	CCQ2111H		132	<i>Vũ</i>	56	41	47	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2121110263	TRẦN THỊ MINH	21/03/2003	CCQ2111H			<i>Cán thi</i>				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2121110234	HUỖNH VĂN	09/04/2001	CCQ2111G			<i>Cán thi</i>				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi